|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN GIA LỘC  **TRƯỜNG TIỂU HỌC THỐNG KÊNH**  Số: /KH-THTK | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Thống Kênh, ngày tháng 10 năm 2021* |

**DỰ THẢO**

**KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2021 - 2022**

Căn cứ Quyết định số 2298/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2021 - 2022;

Căn cứ Chỉ thị 15/CT-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về nhiệm vụ trọng tâm năm học 2021-2022, ứng phó dịch Covid-19 tiếp tục thực hiện đổi mới, kiên trì mục tiêu chất lượng giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Chỉ thị 06/CT-UBND ngày 21/9/2021 của UBND huyện Gia Lộc về nhiệm vụ trọng tâm năm học 2021-2022;

Căn cứ hướng dẫn số /PGDĐT-GDTH ngày tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDTH huyện Gia Lộc năm học 2021 - 2022;

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường và địa phương;

Trường Tiểu học Thống Kênh xây dựng kế hoạch năm học 2021-2022 cụ thể như sau:

**PHẦN I: ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

I. Kết quả năm học trước

- Tập thể nhà trường đạt danh hiệu Tập thể Lao động Tiên tiến

- Cá nhân: CSTĐ cơ sở: 4 đ/c

LĐTT: 23 đ/c

UBND huyện tặng giấy khen: 1 đ/c

UBND tỉnh tặng Bằng khen: 1 đ/c

- Đánh giá viên chức:

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 12/32 = 37,5%

Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 19/32 = 59,4%

Hoàn thành nhiệm vụ: 1/32 = 3,1%

- Đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông:

Tốt: 22/27 = 81,5%

Khá: 5/27 = 18,5%

- Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

- Đạt danh hiệu trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

II. Quy mô trường lớp năm học 2021-2022

*1/ Kế hoạch phát triển giáo dục:*

Tổng số học sinh: 699 HS/22 lớp (Tăng 8 học sinh, giảm 1 lớp so với năm học trước; trong đó 3 học sinh khuyết tật học hòa nhập)

- Khối lớp 1: 135 em - 4 lớp

- Khối lớp 2: 139 em - 4 lớp (1KT)

- Khối lớp 3: 150 em - 5lớp (1KT)

- Khối lớp 4: 151 em - 5 lớp

- Khối lớp 5: 124 em - 4 lớp (1KT)

*2/ Đội ngũ cán bộ - giáo viên- nhân viên*:

\* Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 34 đ/c và 1 bảo vệ. Nữ: 29 đ/c. Trong đó:

- Biên chế 28 đ/c, hợp đồng ngân sách: 3 đ/c (2 GV văn hóa, 1 GV thể dục); hợp đồng dạy Tin học: 1 đ/c; hợp đồng dạy tiếng Anh: 2 đ/c; hợp đồng bảo vệ: 1 đ/c.

- Về trình độ: Đại học 27 đ/c, Cao đẳng 7 đ/c (Không tính bảo vệ)

*3/ Cơ sở vật chất:*

- Phòng học: 22 phòng

- Phòng chức năng: 13 phòng

- Tổng khuôn viên diện tích: 8661m2, sân chơi 2800m2,bãitập 1456m2.

- Các cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đủ, đáp ứng cho công tác dạy học và làm việc của cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh.

III. Những thuận lợi, khó khăn:

1/ Thuận lợi:

Chất l­­ượng học sinh năm học 2020 - 2021 và cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng đầy đủ hơn, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao chất l­­ượng năm học 2021 - 2022. Đại đa số các em chăm ngoan, có ý thức v­­ươn lên trong học tập. Đội ngũ GV cơ bản đủ về số lượng và cơ cấu. Tỉ lệ GV Đại học cao. Giáo viên có năng lực chuyên môn tốt, ham học hỏi và cầu tiến. Cơ sở vật chất trong phòng học, sách, thiết bị đáp ứng cho công tác giảng dạy, đổi mới ph­­ương pháp và bồi d­­ưỡng GV góp phần nâng cao chất l­ượng đội ngũ và chất l­­ượng học sinh. Đời sống kinh tế của nhân dân địa phương ngày càng đ­­ược nâng lên. Các em học sinh đ­­ược quan tâm chăm lo của gia đình và của toàn xã hội ngày càng đầy đủ hơn. Các em đ­­ược động viên, khích lệ, tạo điều kiện về thời gian, vật chất để học tập tốt hơn. Đảng uỷ, HĐND, UBND, Hội cha mẹ học sinh, các đoàn thể chính trị - xã hội địa phư­­ơng và Phòng Giáo dục - Đào tạo quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của xã nhà.

2/ Khó khăn:

- Chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên không đồng đều. Có lúc, có đồng chí chưa thật sự nhiệt tình, trách nhiệm trong công tác nên chất lượng, hiệu quả công việc chưa cao. Một số đồng chí tự học, tự bồi dưỡng chưa đem lại hiệu quả thiết thực trong việc nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của bản thân.

- Cơ sở vật chất: Phòng học, phòng chức năng tuy khá đầy đủ song có dãy phòng học đã bắt đầu xuống cấp. Máy tính xách tay, máy chiếu chưa đầy đủ phục vụ cho các tổ chuyên môn. Một số đồ dùng, trang thiết bị còn chưa được đầy đủ.

- Một bộ phận cha mẹ học sinh chưa thật sự quan tâm đến học hành của con em mình, còn phó mặc cho nhà trường.

**PHẦN II : NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2021 - 2022**

**I. Nhiệm vụ chung**

1. Triển khai thực hiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình giáo dục phổ thông 2018) đối với lớp 1, lớp 2 và Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 (Chương trình giáo dục phổ thông 2006) từ lớp 3 đến lớp 5.

2. Chăm lo xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, thực hiện xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để có đủ giáo viên, đảm bảo chất lượng dạy học các môn học theo chương trình giáo dục phổ thông, chú trọng chuẩn bị đội ngũ giáo viên dạy lớp 3 trong năm học 2022-2023 nhất là bố trí đủ giáo viên dạy học các môn Tin học và môn Ngoại ngữ; đảm bảo 100% giáo viên dạy học lớp 3 được bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT.

3. Tiếp tục thực hiện rà soát, dự báo quy mô phát triển giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; đảm bảo học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đáp ứng mục tiêu giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

4. Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, của giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

5. Chuẩn bị tốt các điều kiện triển khai thực hiện các hoạt động dạy học, đa dạng các hình thức tổ chức để khắc phục, ứng phó với tác động của dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp; chủ động các phương án, kịch bản cụ thể để tổ chức dạy học phù hợp với tình hình dịch bệnh; tổ chức xây dựng kho học liệu điện tử phù hợp, sẵn sàng thực hiện tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học qua truyền hình trong điều kiện dịch diễn biến phức tạp phải thực hiện giãn cách xã hội để đảm bảo thực hiện theo phương châm “tạm dừng đến trường, không dừng học tập” của ngành Giáo dục.

**II. Nhiệm vụ cụ thể:**

**1. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học**

***1.1. Chủ động thực hiện các giải pháp khắc phục tác động của dịch Covid-19***

Trong thời gian học sinh không thể đến trường để phòng chống dịch Covid-19, nhà trường tổ chức thực hiện các giải pháp như sau:

1. *Đối với học sinh lớp 1 và lớp 2*

Chủ động liên hệ và hướng dẫn cha mẹ học sinh phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện địa phương, nhà trường và gia đình học sinh; lựa chọn những nội dung cần thiết để hướng dẫn cha mẹ học sinh tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh ở nhà phù hợp với điều kiện của gia đình, nhằm chuẩn bị cho học sinh sẵn sàng tâm thế vào học lớp 1 và duy trì việc học tập đối với học sinh lớp 2; sẵn sàng cho kịch bản dạy học trực tiếp khi học sinh trở lại trường học tập và có phương án tăng cường riêng cho đối tượng học sinh gặp khó khăn.

Tổ chức dạy học trực tuyến với hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi đối với học sinh lớp 1, lớp 2. Cha mẹ học sinh được thông báo lịch học, hướng dẫn sử dụng và chuẩn bị các điều kiện để sẵn sàng phối hợp cùng giáo viên hỗ trợ cho học sinh trong quá trình học trực tuyến tại nhà; thời khóa biểu phải được sắp xếp một cách khoa học, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các môn học, phân bổ hợp lý về thời lượng dạy học trong tiết học/buổi học, thời điểm tổ chức học trong ngày và trong tuần phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh, không gây áp lực đối với học sinh; ưu tiên dạy học môn Tiếng Việt và môn Toán đảm bảo giúp học sinh hình thành kỹ năng đọc, viết, nói, nghe, kỹ năng tính toán và các kỹ năng cơ bản cần thiết ban đầu theo quy định; thực hiện sắp xếp các chủ đề học tập, sử dụng kho học liệu điện tử kèm theo các bộ sách giáo khoa để xác định các nội dung có thể tổ chức dạy học trực tuyến.

Đối với trường hợp không đủ điều kiện để tổ chức dạy và học trực tuyến theo quy định, nhà trường phối hợp cùng cha mẹ học sinh triển khai thực hiện giải pháp học tập qua truyền hình trong chuyên mục “Dạy Tiếng Việt lớp 1” đã được Bộ GDĐT phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam (VTV7) xây dựng để giúp học sinh lớp 1 học phần Học vần môn Tiếng Việt được phát trên kênh VTV7 và các ứng dụng khác bắt đầu từ ngày 06/9/2021. Đồng thời thực hiện theo hướng dẫn của Sở GDĐT tại Công văn số 283/SGDĐT-GDTH ngày 26/3/2021 về việc hướng dẫn giáo viên sử dụng các bài giảng trong chuyên mục “Dạy Tiếng Việt lớp 1” để gửi bài giảng đến cha mẹ học sinh qua các ứng dụng phổ biến, thông dụng như Facebook, Zalo, Email…, phối hợp cùng giáo viên hướng dẫn học sinh chủ động học tập ở nhà phù hợp với khung thời gian, điều kiện cụ thể và khả năng đáp ứng của gia đình học sinh.

*b. Đối với học sinh lớp 3, lớp 4 và lớp 5*

Sử dụng hiệu quả kho học liệu sẵn có và tổ chức xây dựng kho học liệu bổ sung, sẵn sàng tổ chức dạy học bằng các phương án phù hợp với từng đối tượng trong điều kiện dịch bệnh diễn biến phức tạp, đảm bảo thực hiện theo phương châm “tạm dừng đến trường nhưng không dừng học tập” của ngành Giáo dục.

Thực hiện sắp xếp các chủ đề học tập, xác định các nội dung có thể tổ chức dạy học trực tuyến hoặc hướng dẫn cho học sinh tự học. Dạy học trực tuyến đảm bảo yêu cầu cần đạt của chương trình, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, kỹ năng của giáo viên, khả năng tiếp thu, lĩnh hội và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của học sinh.

Căn cứ Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GDĐT và Công văn số 1002/SGDĐT-GDTH ngày 26/8/2021 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; vận dụng hợp lý hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học theo Công văn số 1125/BGDĐT-GDTH ngày 31/3/2020 của Bộ GDĐT để thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục môn học, thực hiện tinh giản và dạy học các nội dung cốt lõi cho phù hợp.

Trong trường hợp việc thực hiện chương trình kế hoạch giáo dục của nhà trường không đảm bảo theo khung kế hoạch thời gian năm học quy định tại Quyết định số 2298/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hải Dương, nhà trường báo cáo về Phòng GDĐT, Phòng GDĐT tổng hợp báo cáo về Sở GDĐT để tham mưu với UBND tỉnh đề xuất Bộ GDĐT phương án điều chỉnh khung kế hoạch thời gian năm học 2021-2022 phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

***1.2. Chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương***

*a) Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học*

Thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH của Bộ GDĐT và Công văn số 1002/SGDĐT-GDTH ngày 26/8/2021 của Sở GDĐT với các kịch bản phù hợp; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học tại địa phương cụ thể, bảo đảm thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện thực hiện của nhà trường; đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

Tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo mỗi giáo viên nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục và nội dung bài học.

*b) Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1 và lớp 2*

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2 theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn đối với cấp tiểu học đã được Bộ GDĐT ban hành, cụ thể:

- Đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; đảm bảo tỷ lệ giáo viên/lớp và cơ cấu giáo viên để dạy đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định.

- Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc bao gồm: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật), Hoạt động trải nghiệm; các môn học tự chọn, gồm: Ngoại ngữ và nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương…

*c) Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2006 từ lớp 3, lớp 4 và lớp 5*

Trên cơ sở Chương trình giáo dục phổ thông 2006, nhà trường chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh để chủ động tiếp cận với Chương trình giáo dục phổ thông 2018, theo hướng dẫn tại Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018; Công văn 1451/SGDĐT-GDTH ngày 12/10/2020 của Sở GDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học. Cụ thể:

- Thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng học sinh, đồng thời từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh trên nguyên tắc: đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng và phù hợp điều kiện thực tế; rà soát, tinh giản những nội dung chồng chéo, trùng lặp giữa các môn học, giữa các khối lớp trong cấp học và các nội dung quá khó, chưa thực sự cấp thiết đối với học sinh tiểu học; sắp xếp, điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp với đối tượng học sinh; không cắt xén cơ học mà tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục đảm bảo nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục giúp học sinh phát triển toàn diện.

- Tăng cường giáo dục đạo đức lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh; tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, rèn kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh.

*d) Tổ chức dạy buổi 2 và tổ chức cho học sinh bán trú, dạy kĩ năng sống và các hoạt động sau giờ học chính khóa..*

- Duy trì tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với 100% các khối lớp, kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học. Phối hợp với Trung tâm kĩ năng sống Hương Vân tổ chức dạy kĩ năng sống cho học sinh

- Năm học này nhà trường tổ chức ăn bán trú cho học sinh. Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế, trên cơ sở thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh và theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên; tổ chức ăn trưa, bán trú phải bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng, sức khỏe cho học sinh.

- Chuyển mạnh các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa sang hướng tổ chức các hoạt động trải nghiệm; tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống cho học sinh. Tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày là hoạt động theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà; căn cứ vào nhu cầu, sở thích của học sinh, có thể tổ chức các hoạt động dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ, hoặc sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường (thư viện, sân chơi, bãi tập, nhà đa năng, bể bơi…) tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí sau giờ học chính thức trong ngày.

*đ) Thực hiện đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học đối với cấp tiểu học*

Triển khai dạy học tích hợp các nội dung giáo dục ở tiểu học linh hoạt theo các hình thức tổ chức phù hợp với điều kiện thực tế của đối tượng học sinh, địa phương và nhà trường, như: Giáo dục địa phương, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa cho học sinh tiểu học, giáo dục về quyền con người….

Triển khai hiệu quả các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT (Công văn số 430/BGDĐT-GDTH ngày 30/01/2019 nhằm hình thành thói quen đọc sách, phát triển năng lực, phẩm chất và tăng cường ngôn ngữ tiếng Việt cho học sinh tiểu học; Công văn số 5750/BGDĐT-GDTH ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT, Công văn số 130/SGDĐT-GDTH ngày 05/2/2021 của Sở GDĐT về việc tổ chức các hoạt động thư viện trong trường tiểu học từ năm học 2020 – 2021) nhằm tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thư viện trong các trường tiểu học, trong đó đảm bảo thư viện lưu trữ sách giáo khoa để sử dụng lâu dài và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

*e) Tổ chức lựa chọn sách giáo khoa*

Tham gia thực hiện việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 3 và trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham khảo trong trường tiểu học theo chức năng, nhiệm vụ quy định, trong đó cần đặc biệt quan tâm ý kiến từ các tổ chuyên môn trong quá trình tổ chức lựa chọn sách giáo khoa. Thực hiện các giải pháp để hỗ trợ sách giáo khoa cho các học sinh thuộc đối tượng chính sách, học sinh khuyết tật; học sinh hộ nghèo,…

*f) Tổ chức biên soạn và thực hiện nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học*

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục của địa phương; tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT và các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT với hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nhà trường, địa phương, đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục.

*g)Kế hoạch tổ chức thực hiện hội thi các cấp.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Các hội thi | Cấp trường | | | Cấp huyện | | Cấp tỉnh | | Cấp toàn quốc | |
| Thời gian | Đối tượng  Số lượng | Phụ trách | Đối tượng, SL | Phụ trách | Đối tượng  SL | Phụ trách | Đối tượng  SL | Phụ trách |
| 1 | GV giỏi | Trường:  T 10,11 | Tất cả GV đủ điều kiện | PHT,TT |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Thi Tiếng Anh trên mạng | Theo Ban tổ chức | HS tự nguyện tham gia | GVCN, đc Xuân, Phương | HS đủ điều kiện | GVCN, đcXuân, Phươn | HS đủ điều kiện | GVCN đcXuân, Phươn | HS đủ điều kiện | GVCN,đcXuân, Phươn |
| 3 | Thi Toán trên mạng | Theo Ban tổ chức | HS tự nguyện tham gia | GVCN,  Đc Sen | HS đủ điều kiện | GVCN,  Đc Sen | HS đủ điều kiện | GVCN,  Đc Sen | HS đủ điều kiện | GVCNĐc Sen |
| 4 | Sân chơi toán học  VioEdu | Theo Ban tổ chức | HS lớp 2,3,4,5 | GVCN,  Đc Sen | HS đủ điều kiện | GVCN,  Đc Sen | HS đủ điều kiện | GVCN,  Đc Sen | HS đủ điều kiện | GVCNĐc Sen |
| 5 | Thi Trạng nguyên Tiếng Việt | Theo Ban tổ chức | HS tự nguyện tham gia | GVCN,  Đc Minh | HS đủ điều kiện | GVCN,  đcMinh | HS đủ điều kiện | GVCN, đcMinh | HS đủ điều kiện | GVCN đcMinh |
| 6 | Thi Trạng nguyên Toàn tài | Theo Ban tổ chức | HS tự nguyện tham gia | GVCN, đcMinh | HS đủ điều kiện | GVCN,  đcMinh | HS đủ điều kiện | GVCN, đcMinh | HS đủ điều kiện | GVCN, đcMinh |
| 7 | Trạng nhí tiếng Anh Victoria | Theo kế hoạch của công ty |  |  | HS khối 2(SL do công ty quy định) | Đ/c Phương |  |  |  |  |

***1.3. Ðổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh tiểu học***

*a) Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học*

Thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; triển khai giáo dục STEAM; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

Tiếp tục áp dụng một cách phù hợp các thành tố tích cực của mô hình trường học mới; triển khai dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột; thực hiện dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới; tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn trong trường và cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học.

*b) Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh tiểu học*

Đối với học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2006, tiếp tục được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ GDĐT. Đối với học sinh lớp 1, lớp 2 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh tùy tiện, máy móc, khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

***1.4. Nâng cao chất lượng dạy học Ngoại ngữ, Tin học và chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018***

*a) Dạy học Ngoại ngữ*

Thực hiện dạy tiếng Anh 2 tiết/tuần với học sinh lớp 1,2; dạy 4 tiết/tuần với học sinh lớp 3,4,5. Sách giáo khoa và tài liệu tham khảo thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT, cụ thể: đối với lớp 1, lớp 2 lựa chọn sách giáo khoa của NXB ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh; lớp 3,4,5 sử dụng SGK của Nhà xuất bản Giáo dục.

Thực hiện đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh; tập trung vào đánh giá thường xuyên để hỗ trợ học tập; bài kiểm tra cuối học kỳ cần có đủ cả bốn kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo quy định.

Tăng cường tổ chức cho học sinh học Tiếng Anh qua truyền hình, các phương tiện truyền thông phù hợp khác và đẩy mạnh thực hành Tiếng Anh qua các hoạt động như hoạt động trải nghiệm, các sân chơi, giao lưu.

*b) Dạy học môn Tin học và tổ chức hoạt động giáo dục tin học*

Tiếp tục duy trì việc tổ chức cho học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 được học môn Tin học tự chọn theo Chương trình giáo dục phổ thông 2006; Thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục môn học và đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học linh hoạt, phù hợp, theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, tạo điều kiện thuận lợi và tâm thế sẵn sàng cho học sinh lên lớp 6 học môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên Tin học; tăng cường đầu tư nâng cấp thiết bị dạy học để từng bước nâng cao chất lượng dạy học môn Tin học.

*c. Giáo dục thể chất:*

Hoạt động giáo dục thể chất thực hiện theo Công văn số 139**/**CV-PGDĐT ngày 10/9/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục thể chất và y tế trường học năm học 2021-2022.

**2. Duy trì, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện công bằng trong giáo dục**

***2.1. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học***

Tiếp tục thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT ban hành quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Kế hoạch số 1045/KH-BCĐ ngày 31/3/2021 của Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xoá mù chữ tỉnh Hải Dương năm 2021 và Kế hoạch số 1045/KH-BCĐ ngày 31/3/2021 của Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xoá mù chữ năm 2021 huyện Gia Lộc.

***2.2. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật***

Cần bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập; tăng cường tuyên truyền trong đội ngũ giáo viên về vấn đề giáo dục hòa nhập; đối với những lớp có trẻ khuyết tật học hòa nhập, phải xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp với nhu cầu và khả năng của từng học sinh khuyết tật. Thực hiện dạy học và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống.

**3. Điều kiện đảm bảo đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học**

***3.1. Đảm bảo đội ngũ giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học***

*a) Thực hiện bố trí, sử dụng đội ngũ giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học*

Thực hiện bố trí, sử dụng giáo viên hợp lý, hiệu quả; đồng thời có biện pháp lâu dài để tuyển dụng và bố trí đủ giáo viên dạy đúng và đủ các môn học, bảo đảm giáo dục toàn diện học sinh; khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, ưu tiên biên chế để tuyển dụng giáo viên cho những môn học mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Thực hiện bố trí, sắp xếp đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ đào tạo, được bồi dưỡng về chuyên môn để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2. Trong trường hợp chưa thể bố trí đủ giáo viên theo định mức, cần có các giải pháp hợp đồng phù hợp với đặc điểm nhà trường để đảm bảo “*có học sinh thì phải có giáo viên*”.

Thực hiện các giải pháp về đội ngũ giáo viên Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ dạy tiểu học bắt đầu từ năm học 2022-2023, theo chỉ đạo tại Công văn số 371/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 26/01/2021 của Bộ GDĐT về chuẩn bị giáo viên Tiếng Anh, Tin học năm học 2022-2023 cấp Tiểu học, tổ chức rà soát số lượng giáo viên hiện có, xác định số lượng giáo viên cần để thực hiện việc giảng dạy Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Tiếng Anh, Tin học.

*b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng có hiệu quả cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục về thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018*

Xây dựng và triển khai kế hoạch tập huấn cho các đối tượng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường về các mô đun phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá và xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường trong năm 2021. Bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên đại trà theo phương thức bồi dưỡng qua mạng, thường xuyên, liên tục, ngay tại trường; gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và hướng dẫn giáo viên trong tổ, nhóm chuyên môn tham gia cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

Lập danh sách dự kiến phân công giáo viên dạy học lớp 3 năm học 2022-2023 để có kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng.

***3.2. Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học***

Tiếp tục tham mưu với chính quyền địa phương xây dựng thêm phòng học bộ môn còn thiếu, phòng chức năng thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục, kiên quyết không để tình trạng*“thiết bị đến trường mà không ra lớp”*; tăng cường mua sắm bổ sung đủ thiết bị dạy học tối thiểu để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình quy định.

***3.3. Đảm bảo hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và xây dựng thư viện Tiên Tiến***

Thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện công tác xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia gắn với chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới nâng cao của xã. Tích cực tham mưu với các cấp ủy đảng và chính quyền quan tâm, chỉ đạo tập trung các nguồn lực để tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học. Phấn đấu đến cuối năm 2023 nhà trường có thể đề nghị kiểm tra công nhận kiểm định chất lượng cấp độ 3, trường chuẩn quốc gia mức độ 2.

Năm học 2021-2022, nhà trường phấn đấu đạt Thư viện Tiên tiến.

**4. Đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt và tự chủ của nhà trường, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học**

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kế hoạch dạy học và giáo dục theo quy định; đảm bảo sự tham gia của các lực lượng xã hội như cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội... để giúp nhà trường huy động được các nguồn lực và cộng đồng trách nhiệm trong việc xây dựng, thực thi và giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

Thực hiện dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch về chất lượng giáo dục và điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, phù hợp với loại hình nhà trường và quy định của pháp luật về trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.

Tổ chức tốt các phong trào thi đua, thực hiện xét duyệt, công nhận danh hiệu thi đua cho tập thể, cá nhân đúng đối tượng có tác dụng thúc đẩy thi đua dạy tốt, học tốt. Tổ chức tốt Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, lựa chọn giáo viên tham gia hội thi do Phòng GD&ĐT tổ chức.

Tổ chức rà soát, thu thập, tổng hợp đầy đủ thông tin về trường học, lớp học, học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất, tài chính, ….đảm bảo thông tin đầy đủ, chính xác và cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành theo đúng thời gian quy định.

**5. Chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong GD**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ và chỉ đạo của Bộ GDĐT về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong ngành giáo dục. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành tại cơ sở GD.

Tiếp tục đẩy mạnh việc sử dụng hồ sơ, sổ sách điện tử phù hợp với điều kiện của nhà trường và khả năng thực hiện của giáo viên. Lựa chọn và triển khai những ứng dụng, phần mềm hỗ trợ trong công tác quản lý trường học của đơn vị có uy tín, được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và đảm bảo tính liên thông trực tuyến từ trường tới Phòng, Sở để đảm bảo chất lượng quản lý, giám sát.

Tổ chức xây dựng kho tài liệu, học liệu trực tuyến dùng chung, các công cụ hỗ trợ phù hợp với điều kiện của từng địa phương

Tăng cường ứng dụng phương thức trực tuyến để tổ chức họp, dự giờ và tổ chức sinh hoạt chuyên môn; bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên khi điều kiện dịch bệnh xảy ra.

**6. Tăng cường huy động các nguồn lực để chăm lo cho giáo dục và đào tạo**

Thực hiện huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học thực hiện hiệu quả chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ GDĐT.

Tích cực huy động các tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường với các hình thực đa dạng, thiết thực, hiệu quả.

**7. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục tiểu học**

Chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông về đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018, tổ chức triển khai sách giáo khoa cấp tiểu học, chú trọng các nội dung liên quan đến lớp 1, lớp 2 và công tác chuẩn bị đối với lớp 3 từ năm học 2022-2023.

Tổ chức truyền thông đa phương tiện nhằm tuyên truyền, định hướng các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; đẩy mạnh truyền thông về nội dung, giải pháp, lộ trình và điều kiện thực hiện thực hiện nhiệm vụ giáo dục trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp để tạo sự đồng thuận giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Tiếp tục tăng cường truyền thông nội bộ, bảo đảm các chủ trương đổi mới, các quy định của Ngành đến từng cán bộ, giáo viên, người lao động trong nhà trường; tổ chức tập huấn cho cán bộ chuyên trách truyền thông nhằm nâng cao kỹ năng phát ngôn và cung cấp thông tin về giáo dục.

Khuyến khích đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục viết bài và đưa tin về các hoạt động của Ngành việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học… để tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng. Trong năm học, mỗi trường có ít nhất 2 bài viết được đăng tải trên các phương tiện truyền thông như các đài phát thanh; truyền hình; báo; tạp trí… hoặc Website của Phòng GD&ĐT; của Sở GD&ĐT.

**III. Chỉ tiêu thi đua**

1. Thực hiện tốt kế hoạch phát triển giáo dục:

- Thực hiện kế hoạch và duy trì sĩ số 100%.

- Tổng số: 699 HS/22 lớp, trong đó có 3 HSKT.

- Số lớp học 2 buổi/ngày: 22/22 lớp.

2. Công tác phổ cập giáo dục Tiểu học, trường chuẩn quốc gia, kiểm định chất lượng, thư viện trường học:

\* Phổ cập giáo dục Tiểu học, xóa mù chữ:

- Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2.

- Huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp đạt 100% .

\* Trường chuẩn quốc gia: Duy trì trường chuẩn quốc gia mức độ 1, phấn đấu các tiêu chí trường chuẩn quốc gia mức độ 2

\* Kiểm định chất lượng: Duy trì kiểm định chất lượng cấp độ 2, phấn đấu các tiêu chí kiểm định chất lượng cấp độ 3.

\* Thư viện: phấn đấu thư viện Tiên tiến

3. Chỉ tiêu về kết quả học tập các môn học, chỉ tiêu xếp loại mức độ hình thành và phát triển năng lực-phẩm chất

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chất lượng giáo dục | | Lớp 1 | | Lớp 2 | | Lớp 3 | | Lớp 4 | | Lớp 5 | | Toàn trường | | Ghi  chú |
| Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) |
| ***I. Các môn học và hoạt động giáo dục*** | | | | | | | | | | | | | | |
| **1. Tiếng Việt** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | | 92 | 68,1 | 88 | 63,8 | 72 | 48,3 | 71 | 47,0 | 60 | 48,8 | 383 | 55,0 |  |
| Hoàn thành | | 43 | 31,9 | 50 | 36,2 | 77 | 51,7 | 80 | 53 | 63 | 51,2 | 313 | 45,0 |  |
| Chưa hoàn thành | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **2. Toán** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | | 100 | 74,0 | 94 | 68,1 | 79 | 53,0 | 85 | 56,3 | 60 | 48,8 | 418 | 60,1 |  |
| Hoàn thành | | 35 | 26,0 | 44 | 31,9 | 70 | 47,0 | 66 | 43,7 | 63 | 51,2 | 278 | 39,9 |  |
| Chưa hoàn thành | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **3. Đạo đức** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | | 98 | 72,6 | 101 | 73,2 | 96 | 64,4 | 91 | 60,3 | 63 | 51,2 | 449 | 64,5 |  |
| Hoàn thành | | 37 | 27,4 | 37 | 26,8 | 53 | 35,6 | 60 | 39,7 | 60 | 48,8 | 247 | 35,5 |  |
| Chưa hoàn thành | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **4. TN và XH** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | | 98 | 72,6 | 101 | 73,2 | 92 | 61,7 |  |  |  |  | 291 | 69,0 |  |
| Hoàn thành | | 37 | 27,4 | 37 | 26,8 | 57 | 38,3 |  |  |  |  | 131 | 31,0 |  |
| Chưa hoàn thành | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  |  |  | 0 | 0 |  |
| **5. Khoa học** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | |  |  |  |  |  |  | 65 | 43,0 | 60 | 48,8 | 125 | 45,6 |  |
| Hoàn thành | |  |  |  |  |  |  | 86 | 57,0 | 63 | 51,2 | 149 | 54,4 |  |
| Chưa hoàn thành | |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **6. Lịch sử và Địa lý** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | |  |  |  |  |  |  | 79 | 52,3 | 60 | 48,8 | 139 | 50,7 |  |
| Hoàn thành | |  |  |  |  |  |  | 72 | 47,7 | 63 | 51,2 | 135 | 49,3 |  |
| Chưa hoàn thành | |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **7. GD thể chất** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | | 98 | 72,6 | 96 | 69,6 | 78 | 52,3 | 78 | 51,6 | 60 | 48,8 | 410 | 58,9 |  |
| Hoàn thành | | 37 | 27,4 | 42 | 30,4 | 71 | 47,7 | 73 | 48,4 | 63 | 51,2 | 286 | 41,1 |  |
| Chưa hoàn thành | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **8. Âm nhạc** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | | 98 | 72,6 | 96 | 69,6 | 79 | 53,0 | 70 | 46,3 | 57 | 46,3 | 400 | 57,5 |  |
| Hoàn thành | | 37 | 27,4 | 42 | 30,4 | 70 | 47,0 | 81 | 53,7 | 66 | 53,7 | 296 | 42,5 |  |
| Chưa hoàn thành | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **9. Mĩ thuật** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | | 98 | 72,6 | 95 | 68,8 | 79 | 53,0 | 70 | 46,3 | 57 | 46,3 | 399 | 57,3 |  |
| Hoàn thành | | 37 | 27,4 | 43 | 31,2 | 70 | 47,0 | 81 | 53,7 | 66 | 53,7 | 297 | 42,7 |  |
| Chưa hoàn thành | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **10. Thủ công** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | |  |  |  |  | 94 | 63,1 |  |  |  |  | 94 | 63,1 |  |
| Hoàn thành | |  |  |  |  | 55 | 36,9 |  |  |  |  | 55 | 36,9 |  |
| Chưa hoàn thành | |  |  |  |  | 0 | 0 |  |  |  |  | 0 | 0 |  |
| **11. Kĩ thuật** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | |  |  |  |  |  |  | 95 | 62,9 | 60 | 48,8 | 155 | 56,6 |  |
| Hoàn thành | |  |  |  |  |  |  | 56 | 37,1 | 63 | 51,2 | 119 | 43,4 |  |
| Chưa hoàn thành | |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 | 60 | 48,8 | 0 | 0 |  |
| **12. Ngoại ngữ (Tiếng Anh)** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | | 83 | 61,5 | 86 | 62,3 | 60 | 40,3 | 67 | 44,4 | 46 | 37,4 | 342 | 49,1 |  |
| Hoàn thành | | 52 | 38,5 | 52 | 37,7 | 89 | 59,7 | 84 | 55,6 | 77 | 62,6 | 354 | 50,9 |  |
| Chưa hoàn thành | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **13. Tin học** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | |  |  |  |  | 63 | 42,3 | 68 | 45,0 | 57 | 46,3 | 188 | 44,4 |  |
| Hoàn thành | |  |  |  |  | 86 | 57,7 | 83 | 55,0 | 66 | 53,7 | 235 | 55,6 |  |
| Chưa hoàn thành | |  |  |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **14. Hoạt động trải nghiệm** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | | 98 | 72,6 | 95 | 68,8 |  |  |  |  |  |  | 193 | 70,7 |  |
| Hoàn thành | | 37 | 27,4 | 43 | 31,2 |  |  |  |  |  |  | 80 | 29,3 |  |
| Chưa hoàn thành | | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 |  |
| ***II. Phẩm chất chủ yếu*** | | | | | | | | | | | | | | |
| ***1. Lớp 1,2*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Yêu nước** | Tốt | 98 | 72,6 | 107 | 77,5 |  |  |  |  |  |  | 205 | 75,1 |  |
| Đạt | 37 | 27,4 | 31 | 22,5 |  |  |  |  |  |  | 68 | 24,9 |  |
| CCG | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 |  |
| **Nhân ái** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt | 98 | 72,6 | 106 | 76,8 |  |  |  |  |  |  | 204 | 74,7 |  |
| Đạt | 37 | 27,4 | 32 | 23,2 |  |  |  |  |  |  | 69 | 25,3 |  |
| CCG | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 |  |
| **Chăm chỉ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt | 98 | 72,6 | 107 | 77,5 |  |  |  |  |  |  | 205 | 75,1 |  |
| Đạt | 37 | 27,4 | 31 | 22,5 |  |  |  |  |  |  | 68 | 24,9 |  |
| CCG | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 |  |
| **Trung thực** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt | 98 | 72,6 | 106 | 76,8 |  |  |  |  |  |  | 204 | 74,7 |  |
| Đạt | 37 | 27,4 | 32 | 23,2 |  |  |  |  |  |  | 69 | 25,3 |  |
| CCG | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 |  |
| **Trách nhiệm** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt | 98 | 72,6 | 106 | 76,8 |  |  |  |  |  |  | 204 | 74,7 |  |
| Đạt | 37 | 27,4 | 32 | 23,2 |  |  |  |  |  |  | 69 | 25,3 |  |
| CCG | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 |  |
| ***2. Lớp 3,4,5*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Chăm học, chăm làm** | Tốt |  |  |  |  | 112 | 75,2 | 117 | 77,5 | 78 | 63,4 | 307 | 72,6 |  |
| Đạt |  |  |  |  | 37 | 24,8 | 34 | 22,5 | 45 | 36,6 | 116 | 27,4 |  |
| CCG |  |  |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **Tự tin, trách nhiệm** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt |  |  |  |  | 107 | 71,8 | 113 | 74,8 | 71 | 57,7 | 291 | 68,8 |  |
| Đạt |  |  |  |  | 42 | 28,2 | 38 | 25,2 | 52 | 42,3 | 132 | 31,2 |  |
| CCG |  |  |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **Trung thực, kỉ luật;** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt |  |  |  |  | 116 | 77,8 | 119 | 78,8 | 79 | 64,2 | 314 | 74,2 |  |
| Đạt |  |  |  |  | 33 | 22,2 | 32 | 21,2 | 44 | 35,8 | 109 | 25,8 |  |
| CCG |  |  |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **Đoàn kết, yêu thương** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt |  |  |  |  | 123 | 82,6 | 131 | 86,8 | 79 | 64,2 | 333 | 78,7 |  |
| Đạt |  |  |  |  | 26 | 17,4 | 20 | 13,2 | 44 | 35,8 | 90 | 21,3 |  |
| CCG |  |  |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| ***III. Năng lực*** | | | | | | | | | | | | | | |
| **1. Lớp 1,2** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1.1 Năng lực chung** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tự chủ và tự học** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt | 98 | 72,6 | 103 | 74,6 |  |  |  |  |  |  | 201 | 73,6 |  |
| Đạt | 37 | 27,4 | 35 | 25,4 |  |  |  |  |  |  | 72 | 26,4 |  |
| CCG | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 |  |
| **Giao tiếp và hợp tác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt | 98 | 72,6 | 104 | 75,4 |  |  |  |  |  |  | 202 | 74,0 |  |
| Đạt | 37 | 27,4 | 34 | 24,6 |  |  |  |  |  |  | 71 | 26,0 |  |
| CCG | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 |  |
| **Giải quyết vấn đề và sáng tạo** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt | 98 | 72,6 | 104 | 75,4 |  |  |  |  |  |  | 202 | 74,0 |  |
| Đạt | 37 | 27,4 | 34 | 24,6 |  |  |  |  |  |  | 71 | 26,0 |  |
| CCG | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 |  |
| **1.2. Năng lực đặc thù** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Ngôn ngữ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt | 98 | 72,6 | 104 | 75,4 |  |  |  |  |  |  | 202 | 74,0 |  |
| Đạt | 37 | 27,4 | 34 | 24,6 |  |  |  |  |  |  | 71 | 26,0 |  |
| CCG | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 |  |
| **Tính toán** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt | 98 | 72,6 | 104 | 75,4 |  |  |  |  |  |  | 202 | 74,0 |  |
| Đạt | 37 | 27,4 | 34 | 24,6 |  |  |  |  |  |  | 71 | 26,0 |  |
| CCG | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 |  |
| **Thẩm mĩ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt | 98 | 72,6 | 105 | 76,1 |  |  |  |  |  |  | 203 | 74,4 |  |
| Đạt | 37 | 27,4 | 33 | 23,9 |  |  |  |  |  |  | 70 | 25,6 |  |
| CCG | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 |  |
| **Thể chất** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt | 98 | 72,6 | 105 | 76,1 |  |  |  |  |  |  | 203 | 74,4 |  |
| Đạt | 37 | 27,4 | 33 | 23,9 |  |  |  |  |  |  | 70 | 25,6 |  |
| CCG | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 |  |
| **2. Lớp 3,4,5** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tự phục vụ, tự quản** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt |  |  |  |  | 111 | 74,5 | 108 | 71,5 | 67 | 54,5 | 286 | 67,6 |  |
| Đạt |  |  |  |  | 38 | 25,5 | 43 | 28,5 | 56 | 45,5 | 137 | 32,4 |  |
| CCG |  |  |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **Hợp tác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt |  |  |  |  | 116 | 77,8 | 103 | 68,2 | 59 | 48,0 | 278 | 65,7 |  |
| Đạt |  |  |  |  | 33 | 22,2 | 48 | 31,8 | 64 | 52,0 | 145 | 34,3 |  |
| CCG |  |  |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **Tự học và giải quyết vẫn đề** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt |  |  |  |  | 111 | 74,5 | 100 | 66,2 | 62 | 50,4 | 273 | 64,5 |  |
| Đạt |  |  |  |  | 38 | 25,5 | 51 | 33,8 | 61 | 49,6 | 150 | 35,5 |  |
| CCG |  |  |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **IV. Khen thưởng** | | | | | | | | | | | | | | |
| HS Xuất sắc | | 59 | 43,7 | 57 | 41,3 |  |  |  |  |  |  | 116 | 42,5 |  |
| HS Tiêu biểu | | 39 | 28,8 | 40 | 29,6 |  |  |  |  |  |  | 79 | 28,9 |  |
| HS HTXS nội dung HT&RL | |  |  |  |  | 66 | 44,3 | 65 | 43,0 | 54 | 43,9 | 185 | 43,7 |  |
| HS có thành tích vượt trội | |  |  |  |  | 35 | 23,5 | 42 | 27,8 | 38 | 30,9 | 112 | 26,5 |  |
|  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **V. Hoàn thành chương trình lớp học, HTCT tiểu học** | | | | | | | | | | | | | | |
| Hoàn thành CTLH, HTCTTH | | 135 | 100 | 138 | 100 | 149 | 100 | 151 | 100 | 123 | 100 |  |  |  |
| Chưa hoàn thành  CT LH | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  |  |

4. Đánh giá viên chức, chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, các hội thi đối với giáo viên, học sinh

- Thi GV giỏi cấp trường: Phấn đấu 22 đồng chí trở lên đạt GV giỏi cấp trường.

- SK cấp trường: 100% CBGV tham gia viết SK.

- SK cấp huyện: Có từ 6 đến 8 SK được xếp loại cấp huyện.

- Các cuộc thi, giao lưu: Học sinh các khối lớp tham gia đầy đủ các cuộc thi, giao lưu. Phấn đấu các cuộc thi, giao lưu có học sinh đạt giải cấp tỉnh ở mỗi khối lớp; toàn trường phấn đấu có 2 học sinh đạt giải quốc gia.

- 100% lớp có phong trào vở sạch chữ đẹp.

- Đánh giá công chức, viên chức: HTXSNV: 12 đ/c, HTTNV: 18 đ/c, HTNV: 1 đ/c

- Đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông: Tốt: 15 đ/c, Khá: 13 đ/c, Đạt: 1 đ/c

4. Công tác thi đua của tập thể nhà trường và cán bộ giáo viên

- Tập thể: Đạt danh hiệu Tập thể Lao động Tiên tiến

- Cá nhân đăng kí: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 13 đồng chí đăng kí.

Lao động Tiên tiến: 18 đồng chí đăng kí.

\* Phấn đấu đạt: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 4 đồng chí

Lao động Tiên tiến: 24 đồng chí

**PHẦN III. CÁC BIỆN PHÁP THỤC HIỆN.**

1. Bồi dưỡng về tư tưởng chính trị cho đội ngũ CB-GV-NV.

- Tổ chức học tập quán triệt trong đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên các chủ trương của Đảng, Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên có nhận thức đúng và hành động thiết thực thực hiện các hoạt động đổi mới của ngành.

- Thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp; tạo cơ hội, động viên, khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lí học tập và sáng tạo; ngăn ngừa và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo.

- Tổ chức cho GV kí cam kết không vi phạm việc dạy thêm học thêm trái quy định.

- Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá.

- Thực hiện đánh giá cán bộ, giáo viên, nhân viên chú trọng năng lực, kết quả công tác, uy tín đối với đồng nghiệp, học sinh và phụ huynh học sinh.

2. Xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:

- Tập trung chỉ đạo đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức bồi dưỡng để nâng cao chất lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn chỉ đạo nhiệm vụ năm học của Bộ, của Sở, của Phòng GD - ĐT.

- Xây dựng tập thể nhà trường là khối đoàn kết, cộng đồng trách nhiệm, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, tự giác nhiệt tình công tác, vững về chính trị, khá giỏi về chuyên môn.

- Chỉ đạo thực hiện tốt các chuyên đề, hội thảo, hội giảng, hội thi cấp trường, cấp huyện, cấp tỉnh. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học; Thực hiện đổi mới nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn; phát huy tính chủ động, tích cực của mỗi giáo viên trong việc thực hiện nhiệm vụ. Tạo điều kiện cho CBGV tham gia các lớp học bồi dưỡng, tham gia các lớp nâng chuẩn nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng GV theo hướng dẫn của Sở, của Phòng giáo dục. Tập trung bồi dưỡng về nhận thức, tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức nhà giáo và chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học, dạy học tích hợp, ứng dụng CNTT .... Đặc biệt quan tâm bồi dưỡng thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực theo Chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông. Tổ chức thực hiện nghiêm túc viết và áp dụng sáng kiến của cán bộ giáo viên.

3. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện:

- Thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giáo dục. Tổ chức và chỉ đạo tốt việc dạy 2 buổi/ngày có chất lượng, chú trọng dạy theo đối tượng học sinh.

- Quán triệt và chỉ đạo GV thực hiện nghiêm túc nền nếp chuyên môn.

- Tổ chức tốt các chuyên đề và sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học; tập trung vào chuyên đề nâng cao chất lượng dạy học buổi 2, chuyên đề dạy học các môn học lớp 1, lớp 2.

- Tổ chức tốt các hội thi cấp trường, tuyển chọn được học sinh, giáo viên xuất sắc để tham gia hội thi các cấp đạt hiệu quả cao.

- Tổ chức sinh hoạt tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có nền nếp, chất lượng và hiệu quả. Chỉ đạo Đội thiếu niên tổ chức tốt các đợt thi đua, các chủ đề do Đội phát động, tổ chức có hiệu quả các tiết GDNGLL theo quy định.

- Thực hiện tốt các đợt kiểm tra cuối kỳ; cuối năm đúng quy chế từ khâu ra đề đến coi, chấm.

- Chỉ đạo thực hiện tốt việc giáo dục trẻ khuyết tật hoà nhập theo các văn bản hướng dẫn.

- Tăng cường mượn và sử dụng thiết bị dạy học có hiệu quả góp phần phát huy tính chủ động tích cực của học sinh.

- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh trong việc giáo dục học sinh, trong việc tạo động cơ, thái độ, ý thức tự giác học tập của học sinh.

4. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, trường chuẩn quốc gia, kiểm định chất lượng

- Tham gia kiện toàn ban chỉ đạo phổ cập GD-XMC của xã.

- Nâng cao chất lượng dạy và học, hạn chế HS lưu ban. Huy động hết trẻ trong độ tuổi ra lớp, tạo điều kiện để học sinh khó khăn được đến trường, cập nhật hồ sơ chính xác khoa học. Thực hiện tốt công tác điều tra phổ cập trên địa bàn chính xác. Duy trì sĩ số 100%.

- Tích cực tham mưu với các cấp uỷ Đảng chính quyền địa phương xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu trường chuẩn Quốc gia mức độ 2. Tuyên truyền vận động phụ huynh học sinh, các tổ chức đoàn thể, xã hội trên địa bàn xã và các cá nhân có điều kiện tham gia tài trợ, hỗ trợ kinh phí xây dựng cơ sở vật chất nhà trường.

5. Thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành

Tổ chức cho CB, GV học tập các văn bản Nghị quyết đại hội Đảng các cấp, các văn bản chỉ đạo của ngành; xây dựng kế hoạch, tổ chức phát động thi đua, thực hiện các cuộc vận động phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Coi trọng việc giáo dục phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp cho CBGV. Phát động và thực hiện tốt các phong trào thi đua trong năm học bằng các việc làm cụ thể: Nâng cao chất lượng giảng dạy và giáo dục học sinh, nâng cao chất lượng các cuộc thi, giao lưu; thực hành tiết kiệm điện, tiết kiệm nước, sử dụng có hiệu quả đồ dùng, sách tài liệu...

6. Công tác xây dựng cơ sở vật chất:

- Tiếp tục tham mưu với các cấp có thẩm quyền bổ sung cơ sở vật chất để đạt tiêu chuẩn về cơ sở vật chất của trường chuẩn mức độ 2.

- Đầu tư nguồn kinh phí mua bổ sung sách, thiết bị trường học đặc biệt là thiết bị để ứng dụng công nghệ thông tin.

- Tuyên truyền vận động phụ huynh, các mạnh thường quân tài trợ cho nhà trường để bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

7. Đổi mới công tác quản lí, chỉ đạo :

- Chỉ đạo xây dựng các loại kế hoạch đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường và địa phương, phát huy kết quả đã đạt được và có biện pháp khắc phục những khó khăn. Tổ chức quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết của các cấp tới cán bộ giáo viên kịp thời. Thực hiện Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Xây dựng quy chế làm việc của cơ quan, xây dựng tiêu chí thi đua, quy chế chi tiêu nội bộ đúng với văn bản hướng dẫn và phù hợp với điều kiện thực tế.

- Thực hiện đánh giá xếp loại giáo viên và bình xét danh hiệu thi đua cuối năm theo đúng Luật thi đua khen thưởng.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nền nếp chuyên môn, việc đánh giá, xếp loại học sinh và các hoạt động giáo dục trong nhà trường đảm bảo môi trường giáo dục thân thiện.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ trường học, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của GV, HS. Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và quản lí.

- Quản lý việc thu chi đảm bảo đúng nguyên tắc, thực hiện đúng, đủ chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên...

- Chỉ đạo nghiêm túc các đợt kiểm tra định kì cuối kì, cuối năm, đánh giá xếp loại học sinh, xét duyệt lên lớp, hoàn thành chương trình tiểu học.

- Nâng cao hiệu lực quản lý, thực hiện tốt công tác kiểm tra, qua đó đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời.

8. Làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục:

- Thường xuyên tham mưu với Đảng uỷ, HĐND, UBND xã về công tác giáo dục. Báo cáo kịp thời với các cấp về chất lượng giáo dục và kế hoạch phát triển giáo dục.

- Xây dựng mối liên hệ chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể, các tổ chức ở địa phương để tạo nên sự đồng thuận, cùng XD môi trường giáo dục lành mạnh, phát triển.

- Tham mưu hội cha mẹ học sinh hoạt động đúng Điều lệ, có hiệu quả, hỗ trợ tích cực các hoạt động giáo dục của nhà trường. Đặc biệt là phối kết hợp với hội cha mẹ học sinh để tạo động lực thúc đẩy công tác xã hội hoá giáo dục đạt kết quả cao.

9. Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19

- Tích cực, chủ động trong phòng ngừa dịch bệnh Covid 19 có thể bùng phát trở lại.

- Thực hiện tốt công tác vệ sinh trường lớp thường xuyên.

- CBGV, NV, học sinh thực hiện đeo khẩu trang trên đường đến trường và thời gian ở trường.

- Thường xuyên rửa tay bằng xà phòng hoặc nước sát khuẩn.

- Thường xuyên theo dõi sức khỏe của CBGV, NV, học sinh.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan y tế địa phương trong phòng chống dịch và chăm sóc sức khỏe cho CBGV, NV, học sinh.

**PHẦN IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHO CB,GV,NV:

1. Đ/c Hiệu trưởng:

- Chịu trách nhiệm trước cấp trên về quản lý, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động trong nhà trường theo Điều lệ trường Tiểu học. Đánh giá chất lượng đội ngũ.

- Xây dựng quy hoạch và bồi dưỡng đội ngũ kế cận. Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch phát triển giáo dục hàng năm.

- Phụ trách chung tất cả các hoạt động trong nhà trường. Trực tiếp chỉ đạo công tác tổ chức, công tác tài chính trong nhà trường.

2. Đ/c Phó hiệu trưởng:

- Giúp Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn, các hoạt động giáo dục NGLL, Kiểm định chất lượng, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên. Chịu trách nhiệm về thực hiện chương trình giáo dục, chất lượng giáo dục đại trà, học sinh giỏi, GVG và chất lượng các hội thi.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch phổ cập GD.

- Chỉ đạo điều tra, tham mưu xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục hàng năm.

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện các cuộc vận động và các phong trào thi đua, công tác ATGT, phòng cháy chữa cháy, Y tế, các tệ nạn học đường...

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch.

- Tham gia kiểm tra chuyên môn, chuyên đề, đột xuất GV-NV.

3. Giáo viên giảng dạy:

-- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch giáo dục và quy chế chuyên môn. Đảm bảo thời gian làm việc theo quy định.

- Thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Trau dồi và rèn luyện đạo đức Nhà giáo. Làm tốt công tác tuyên truyền và thực hiện tốt XHHGD. Tham gia đầy đủ và có hiệu quả các hoạt động của địa phương. Thực hiện tốt chế độ chính sách.

- Thực hiện đầy đủ ngày công, giờ công quy định: Giảng dạy, hội họp, chuyên đề hội thảo, học tập bồi dưỡng …

- Có đủ hồ sơ sổ sách theo quy định đảm bảo nội dung, trình bày khoa học .

- Soạn đúng chương trình, đảm bảo yêu cầu cần đạt về chuẩn kiến thức kĩ năng và điều chỉnh nội dung dạy học, kết hợp GD kĩ năng sống, bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng,...thể hiện được sự đổi mới phương pháp và các hình thức tổ chức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh.

- Nghiêm cấm xúc phạm thân thể, nhân phẩm học sinh.

- Tích cực sử dụng thiết bị dạy học có hiệu quả.

- Tham gia đầy đủ các chuyên đề, hội thảo để vận dụng đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao hiệu quả giáo dục.

- Có kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng để ngày một hoàn thiện chuyên môn nghiệp vụ.

- Quản lý, GD HS để HS lớp chủ nhiệm có nền nếp, giao tiếp với phụ huynh đúng mực, luôn có thái độ và tinh thần phục vụ cởi mở, thân thiện.

*\* Lưu ý: CB-GV-NV đang thực hiện nhiệm vụ khi ra khỏi nhiệm sở phải được sự đồng ý của HT. Đặc biệt không bỏ vị trí trong giờ làm việc.*

4. Kế toán, văn thư:

- Giúp Hiệu trưởng xây dựng và thực hiện kế hoạch về công tác tài chính, chế độ chính sách của CB-GV-NV, công tác bảo hiểm, quản lý hồ sơ nhân sự.

- Tham mưu cho HT quản lý và sử dụng nguồn tài chính trong và ngoài ngân sách đạt hiệu quả cao và đúng quy định.

- Giúp việc cho HT soạn thảo văn bản, các loại quyết định, quản lý lưu giữ hồ sơ HS.

5. Nhân viên thiết bị, thư viện:

- Làm việc dưới sự điều hành trực tiếp của đ/c Phó hiệu trưởng. Xây dựng và thực hiện kế hoạch về thư viện, thiết bị dạy học.

- Tích cực tham mưu có hiệu quả hội thi sáng tạo kĩ thuật.

- Phối hợp với giáo viên các lớp giáo dục HS ý thức sử dụng, bảo quản đồ dùng học tập tốt. Tham mưu tổ chức hội thi tự làm ĐDDH.

- Phụ trách phòng thiết bị, thường xuyên bảo dưỡng, lắp đặt trang thiết bị phục vụ dạy học. Có đủ hồ sơ quản lý theo quy định. Tích cực tham mưu về công tác thiết bị.

- Phụ trách phòng TV, chịu trách nhiệm về công tác phát hành sách, văn phòng phẩm. Phát huy hiệu quả nguồn sách, báo trong nhà trường. Có hồ sơ quản lý theo đúng quy định. Tích cực tham mưu về công tác thư viện.

- Phối hợp với giáo viên các lớp giáo dục HS ý thức sử dụng, bảo quản sách, vở.

6. Nhân viên bảo vệ

Chịu trách nhiệm và thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công và theo hợp đồng lao động.

II. Phân công giảng dạy: *(Có phụ lục kèm theo)*

III. Kế hoạch thời gian năm học: *(Có phụ lục kèm theo)*

Trên đây là phương hướng nhiệm vụ, chỉ tiêu thi đua và các giải pháp thực hiện kế hoạch năm học của trường Tiểu học Thống Kênh. Đề nghị các tổ chuyên môn, các đoàn thể, đặc biệt là mỗi cán bộ giáo viên cần nghiên cứu kế hoạch năm học của trường để xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện các chỉ tiêu thi đua cho phù hợp với điều kiện thực tế nhằm góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học 2021-2022 của nhà trường. Trong quá trình thực hiện có gì khó khăn cần giải quyết, các bộ phận, các cá nhân cần phản ánh về Ban giám hiệu để kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch./.

Kế hoạch đã được thông qua tại Hội nghị viên chức ngày … tháng 10 năm 2021.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Phòng GD-ĐT (Để báo cáo);  - CBGV, NV (Để thực hiện);  - Lưu VT. | **HIỆU TRƯỞNG**  **Hoàng Sách Khôi** |

**PHÒNG GD-ĐT PHÊ DUYỆT**

**KẾ HOẠCH THÁNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Thời điểm thực hiện** | **Kết quả đạt được** |
| **7,8** | - Thực hiện công tác tuyển sinh lớp 1. | - QL, GV khối 1 | Tháng 7 |  |
| - Dự kiến phân công lao động cho cán bộ giáo viên, nhân viên | - BGH mở rộng | Tháng 8 |  |
| - Xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác bồi dưỡng CBQL và giáo viên. | - CBGV | Tháng 8 |  |
| - Thực hiện công tác tuyên truyền, chuẩn bị cơ sở vật chất, đội ngũ GV cho năm học mới. | - CBGV, nhân viên | Tuần 1- 4  Tháng 8 |  |
| - Điều tra dân số độ tuổi trẻ từ 0 đến 60 tuổi. | - CBGV | Từ tuần 1  Tháng 8 |  |
| - Xây dựng kế hoạch chuyên đề ở các tổ chuyên môn. | - Tổ CM | Tuần 4 Tháng 8 |  |
| **Bổ sung:** |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **9** | Thực hiện kế hoạch thời gian năm học: Ngày tựu trường: 1/9, ngày bắt đầu thực hiện chương trình: 6/9 |  |  |  |
| - Tổ chức ngày toàn dân đư­a trẻ đến trư­ờng và khai giảng năm học mới. Phát động tháng an toàn giao thông. Phát động các cuộc vận động và phong trào thi đua trong năm học | - BGH, chi đoàn, công đoàn | Tuần 2 |  |
| - Phát động đợt thi đua thứ nhất chào mừng ngày 15/10 và 20/11. | - Trưởng ban thi đua | Tuần 2 |  |
| - Học tập nhiệm vụ năm học 2021 - 2022. | - BGH | Tuần 4 |  |
| - Đăng ký các danh hiệu thi đua của tập thể và cá nhân năm học 2021 - 2022 | - BGH, CTCĐ, tổ CM | Tuần 2 |  |
| - Đăng kí SK năm học 2021-2022 | - BGH, GV, NV | Tuần 2 |  |
| - Triển khai chuyên đề thứ nhất. | - Tổ CM | Tuần 3 |  |
| - Tập hợp số liệu vào hệ thống quản lý PCGD, XMC | - CBQL, văn thư | Tuần 3 |  |
| **Bổ sung:** |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **10** | - Tổ chức hội nghị CBVC cấp tổ và cấp trường | - BGH, Tổ CM, CTCĐ | Tuần 1, tuần 2 |  |
| - Tiếp tục triển khai và áp dụng chuyên đề thứ nhất vào giảng dạy. | - Tổ CM | Tuần 1- 4 |  |
| - Họp cha mẹ học sinh toàn trường | - BGH, GVCN | Tuần 2 |  |
| - Huyện kiểm tra phổ cập GDTH năm 2021 | - BGH, VT | Tuần 3 |  |
| - Tổ chức hội giảng, thi giáo viên giỏi cấp trường chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20-11 | - BGH, CĐ, Tổ CM | Tuần 3 |  |
| **Bổ sung:** |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **11** | - Thi đua lập thành tích chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11. | - CBGV, NV,HS | Đến 20-11 |  |
| - Tiếp tục áp dụng chuyên đề thứ nhất vào soạn giảng. | - Tổ CM,GV | Tuần 1- 4 |  |
| - Tiếp tục thi GV giỏi cấp trường. | - BGH, CĐ, tổ CM | Tuần 1-15/11 |  |
| - Tổ chức thi viết chữ đẹp, VSCĐ cấp trường. | - BGH, Tổ CM | Tuần 4 |  |
| - Tổ chức hội thi “Giai điệu tuổi thơ” cấp trường kỉ niệm 20-11 | - Chi Đoàn, GVCN | - Tuần 2 |  |
| - Kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20 - 11. | - BGH, CĐ | Ngày 20/11 |  |
| - Kiểm tra định kỳ môn Toán, TV lớp 4,5 | - BGH, Tổ 4,5 | Tuần 2 |  |
| - Sơ kết đợt thi đua thứ nhất, phát động đợt thi đua thứ 2. | - Trưởng ban thi đua | Ngày  20/11 |  |
| **Bổ sung:** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **12** | - Thi đua lập thành tích kỷ niệm ngày Quốc phòng toàn dân 22/12. | - CBGV, NV, HS | Từ 20/11 đến 22/12 |  |
| - Tiếp tục áp dụng chuyên đề thứ nhất vào soạn giảng. | - Tổ CM,GV | Tuần 1- 4 |  |
| - Tổ chức Hội khoẻ Phù Đổng cấp trường. | - BGH, GV thể dục, chi đoàn | Trước 22/12 |  |
| - Tiếp tục thực hiện cuộc vận động phòng chống và khắc phục phát âm lệch chuẩn L/N | - BGH, GV | Tuần 1 |  |
| - Tổ chức hội thi tự làm ĐDDH | - BGH, CBTB, TT | Trước 22/12 |  |
| **Bổ sung:** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **1** | - Kiểm tra định kỳ các môn học cuối học kỳ I | - CBGV | Trước 13/01/2022 |  |
| Kết thúc kỳ I:  Bắt đầu chương trình kỳ II: |  | 13/01/2022  17/01/2022 |  |
| - Sơ kết học kì I, sơ kết đợt thi đua thứ 2 và phát động đợt thi đua thứ 3 chào mừng ngày 3-2 và ngày 26-3. | - Trưởng ban thi đua | Tuần 2 |  |
| - Triển khai chuyên đề thứ 2 ở các tổ chuyên môn. | - Tổ CM, GV | Tuần 1- 4 |  |
| - Hoàn thành bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp, học bạ học kì I | - GV | Tuần 2 |  |
| **Bổ sung:** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **2** | - Tiếp tục áp dụng chuyên đề thứ 2 vào soạn giảng. | - Tổ CM, GV | Tuần 2- 4 |  |
| - Rà soát SK, đề nghị cấp huyện công nhận. | - HĐKH, CBGV | - Tuần 2 |  |
| **Bổ sung:** |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **3** | - Thi đua lập thành tích chào mừng ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/3. | - CBGV, NV,HS | Từ sau 3/2 |  |
| - Tiếp tục áp dụng chuyên đề thứ 2 vào soạn giảng. | - Tổ CM, GV | Tuần 1- 4 |  |
| - Sơ kết đợt thi đua thứ 3, phát động đợt thi đua thứ 4 chào mừng ngày 30/4 và 1/5. | - Trưởng ban thi đua | Tuần 4 |  |
| - Tổ chức sinh hoạt tập thể | - BCH chi đoàn | Dịp 26/3 |  |
| - Kiểm tra định kỳ môn Toán, TV lớp 4,5 | - BGH, Tổ 4,5 | Tuần 4 |  |
| **Bổ sung:** |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **4** | - Tiếp tục áp dụng chuyên đề thứ 2 vào soạn giảng. | - Tổ CM, GV | Tuần 1- 4 |  |
| - Tiếp tục bồi dưỡng, phụ đạo nâng cao chất lượng học sinh. | - CBGV | Tuần 1- 4 |  |
| - Phối hợp thực hiện giáo dục bơi cho học sinh | - BGH, GV | Tuần 4 |  |
| - Đề nghị Sở GD-ĐT kiểm tra thư viện Tiên tiến | - BGH, CB thư viện | Tuần 1 |  |
| **Bổ sung:** |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **5** | - Kiểm tra định kỳ cuối kỳ II, nghiệm thu bàn giao chất lượng cuối năm(20/5). Hoàn thành đánh giá nhận xét các môn học. | - BGH, Tổ CM, GV | Tuần 4 |  |
| - Hoàn thành bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp, học bạ. | - GV | Tuần 4 |  |
| - Xét duyệt học sinh lên lớp, học sinh hoàn thành chư­ơng trình bậc Tiểu học. | - Tổ CM, HĐ xét duyệt | Tuần 4 |  |
| - Sơ kết đợt thi đua thứ 4 và cả năm. | - Tổ CM, HĐ thi đua | Tuần 4 |  |
| - Đánh giá xếp loại viên chức; đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học; đánh giá chuẩn HT,PHT. | - CBGV, NV, Tổ  CM | Tuần 4 |  |
| - Xét duyệt và hoàn thiện hồ sơ thi đua. | - HĐ thi đua | Tuần 4 |  |
| - Phân công trực hè | - BGH | Tuần 4 |  |
| - Tổng kết năm học, bàn giao học sinh về địa ph­ương. | - CBGV, NV | Ngày 30/5 |  |
| **Bổ sung:** |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **6/2022** | - Thực hiện nghiệm thu chất lượng và bàn giao HS hoàn thành chương trình TH lần 2 lên THCS (Nếu có) | - BGH, Tổ CM, GV | Tuần 1 |  |
| - Kiểm kê tài sản, có kế hoạch bảo quản CSVC. | - BGH, Kế toán, TV-TB, bảo vệ | Tuần 1 |  |
| - Dự kiến phân công chuyên môn cho GV dạy lớp 1,2,3 năm học 2022-2023 | - BGH | Tuần 4 |  |
| - Duyệt thi đua với khối thi đua | - Trưởng ban thi đua | Theo công văn |  |
|  |  |  |  |
| **7/2022** | - XD kế hoạch tu sửa, mua sắm CSVC | - BGH, Tổ CM, GV | Tuần 1- 4 |  |
| - Tổng kết công tác BDCBQL, GV năm học 2021 – 2022; chuẩn bị nội dung bồi dưỡng hè 2022 | - BGH, TTCM,GV | Theo công văn |  |
| - Chuẩn bị các điều kiện tuyển sinh lớp 1 | - BGH, GV dạy lớp 1 | Tuần 2 |  |
|  |  |  |  |